

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 58/2026/HS-ST

Ngày 22 - 7 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Đăng và ông Nguyễn Kiên Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hoài Nụ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Âu Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026 tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02 – tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. HÀ VĂN N; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 22 tháng 10 năm 1991 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn A** (Trước đây là **thôn N**), **xã Y, tỉnh Thái Nguyên**; Nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: **Tổ A** (Trước đây là **tổ F**), **phường B, tỉnh Thái Nguyên**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Hà Văn T** và bà **Nông Thị H**; Vợ con: Không;

Tiền án: Không;

Tiền sự: 02.

- Tại Quyết định số 11/QĐ-TA ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với **Hà Văn N**. Thời hạn là 20 tháng, từ ngày 27/7/2022 đến ngày 09/02/2024 chấp hành xong. Chưa hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

- Tại Quyết định số 12/2025/QĐ-TA ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với **Hà Văn N**. Thời hạn 23 tháng từ ngày 05/3/2025 đến ngày 05/02/2027. Chưa chấp hành xong.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt hành chính số 0203020/QĐ-TA ngày 17/6/2024 của Công an phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình phạt tiền với mức 1.500.000 đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đã chấp hành xong, được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Hiện nay Bị cáo đang là học viên của Cơ sở cai nghiện ma túy số 02, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt.

2. HÀ VĂN B; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 13 tháng 02 năm 1993 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, tỉnh Thái Nguyên; Nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: Tổ A (Trước đây là tổ F), phường B, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn T1 và bà Đỗ Thị H1; Vợ, con: Không;

Tiền án: Không;

Tiền sự: 02:

- Tại Quyết định số 02/QĐ-TA ngày 15/01/2025 của Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Hà Văn B. Thời hạn 22 tháng từ ngày 23/01/2025 đến ngày 23/11/2026. Chưa chấp hành xong.

Tại Quyết định số 08/QĐ-TA ngày 07/07/2022 của Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Hà Văn B. Thời hạn 24 tháng từ ngày 18/7/2022 đến ngày 18/7/2024. Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

- Nhân thân:

- Tại Bản án số 04/2020/HS-ST ngày 13/02/2020 của Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt Hà Văn B 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Đã được xóa án tích.

- Tại Quyết định xử phạt hành chính số 03/QĐ-TA ngày 03/12/2018 của Công an xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn phạt tiền Hà Văn B với mức 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản. Được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Hiện nay Bị cáo đang là học viên của Cơ sở cai nghiện ma túy số 02, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt.

3. NGUYỄN DUY H2; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 02 tháng 6 năm 1985 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B (Trước đây là thôn T), xã Y, tỉnh Thái Nguyên; Nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: Tổ A (Trước đây là tổ F), phường B, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Duy T2 và bà Hà Thị N1; Vợ Dương Thị L (Đã ly hôn năm 2015); con: Không;

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 - Tại Quyết định số 15/QĐ-TA ngày 03/6/2025 của Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với **Nguyễn Duy H2**. Thời hạn 18 tháng từ ngày 13/6/2025 đến ngày 13/12/2026. Chưa chấp hành xong.

Nhân thân: Tại Bản án số 42/2014/HS-ST ngày 16/9/2014 của Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt **Nguyễn Duy H2** 02 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đã được xóa án tích.

Hiện nay Bị cáo đang là học viên của Cơ sở cai nghiện ma túy số 02, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo **Hà Văn N**, **Nguyễn Duy H2**, **Hà Văn B**: Ông **Đinh Xuân D** – Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh Trợ giúp pháp lý thuộc **Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T**. Có mặt.

- *Bị hại*: **Đinh Văn S**, sinh ngày 28/8/1992; Nơi ĐKHKTT: **Thôn Đ** (Trước đây là thôn Bản Tặc), **xã N, tỉnh Thái Nguyên**; Hiện nay đang là học viên của Cơ sở cai nghiện ma túy số 02, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại* **Đinh Văn S**: Bà **Nông Thị Lệ Q** – Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh Trợ giúp pháp lý thuộc **Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T**. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Hà Thị N1**, sinh năm 1960; Địa chỉ: **Thôn B** (Trước đây là **thôn T**), **xã Y, tỉnh Thái Nguyên**. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Anh **Hoàng Quốc V**, sinh năm 1985; Nơi ĐKHKTT: **Thôn Đ**, (Trước đây là **thôn N**), **xã P, tỉnh Thái Nguyên**; Hiện nay đang là học viên của Cơ sở cai nghiện ma túy số 02, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

+ Anh **Trương Quốc Q1**, sinh năm 1987; Nơi ĐKHKTT: **Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên**; Hiện nay đang là học viên của Cơ sở cai nghiện ma túy số 02, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

+ Anh **Đinh Quang T3**, sinh năm 1988; Nơi ĐKHKTT: **Thôn T**, (Trước đây là **thôn N**), **xã V, tỉnh Thái Nguyên**; Hiện nay đang là học viên của Cơ sở cai nghiện ma túy số 02, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

+ Anh **Nông Văn V1**, sinh năm 1999; Nơi ĐKHKTT: **Thôn M** (Trước đây là **thôn P**), **xã T, tỉnh Thái Nguyên**; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ, ngày 24/12/2025, Hà Văn N đi từ phòng 208 sang phòng 201 tại khu C Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, thuộc tổ F (Nay là tổ A), phường B, tỉnh Thái Nguyên tìm gặp Đinh Văn S yêu cầu S xin lỗi vì chuyện xích mích xảy ra ngày 23/12/2025 giữa N và S. Trên đường đi qua phòng 202, N gặp Hà Văn B và nói với B về việc sang gặp S yêu cầu S xin lỗi nên B đi cùng. Khi N và B vào phòng 201 thì S đang đứng ở gần cửa ngách sang phòng 202. N bảo S xin lỗi, S không đồng ý và văng tục nên N đã lao vào đấm bằng tay phải 01 phát vào vùng mặt bên trái của S, bị đánh S nhảy lên giường thì N cũng nhảy lên theo ép S vào tường đấm tiếp bằng tay phải 01 phát vào mặt S rồi hai bên ôm, đẩy nhau trên giường, thấy vậy Bằng nhảy lên giường đấm 01 phát bằng tay phải vào vùng mặt bên trái của S rồi lấy bút bi trong túi quần đấm 01 phát phần nhọn của bút vào vùng mặt trái của S. Lúc này, Nguyễn Duy H2 ở phòng 203 đi qua cửa ngách phòng 202 nhìn thấy N và B đang đánh S nên H2 nhảy vào vật S ngã xuống nền nhà rồi tay trái túm cổ áo S kéo lên, tay phải đấm 02 phát vào vùng mặt phía bên trái của S, thấy S bị đánh các học viên đang cai nghiện cùng vào can ngăn, tước chiếc bút bi từ tay của B rồi thông báo cho cán bộ quản lý biết.

Tại Biên bản khám, đánh giá tình trạng sức khỏe ngày 24/12/2025 của Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 đối với học viên Đinh Văn S: Kiểm tra các dấu vết trên thân thể, học viên đau nhiều gò má trái, khám thấy 01 vết rách da dài khoảng 0,5cm cánh đuôi lông mày trái khoảng 03cm có rỉ máu.

Tại Bệnh án răng - hàm - mặt ngày 05/01/2026 của Bệnh viện Đ thuộc Sở Y chuẩn đoán: Đinh Văn S khi vào khoa điều trị vỡ xương má và xương hàm (đá chấn thương gây xương vùng hàm mặt).

Tại phiếu chụp cắt lớp vi tính ngày 27/12/2025 của Bệnh viện Đ thuộc Sở Y kết luận đối với Đinh Văn S: Hình ảnh gãy thành trước, thành ngoài xoang hàm trái, tụ dịch xoang hàm trái. Gãy xương cung tiếp - gò má trái. Gãy thành ngoài ổ mắt trái.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 22/KLTTCT-TTPY ngày 23/01/2026 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với Đinh Văn S, kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Gãy xoang hàm trái, tỷ lệ: 9%

Căn cứ Chương 12, mục II, khoản 4, điểm 1.

- Gãy xương ổ mắt trái, tỷ lệ: 5%

Căn cứ Chương 10, mục XIII, khoản 1.

- Gãy xương cung tiếp - gò má trái, tỷ lệ: 8%

Căn cứ Chương 11, mục 1, khoản 2.

- Sẹo mổ cung lông mày trái, tỷ lệ: 3%

- Sẹo mổ bờ dưới ổ mắt trái, tỷ lệ: 3%
- Sẹo mổ cung tiếp - gò má trái, tỷ lệ: 3%

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đinh Văn S tại thời điểm giám định là: 27% (Hai mươi bảy phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Cơ chế hình thành thương tích: Do vật tày .

Tại bản Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 215/KLTTCT-TTPY ngày 08/5/2026 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với Đinh Văn S, kết luận:

1. Các kết quả chính:

* Kết quả giám định bổ sung:

Vị trí cách đuôi lông mày trái khoảng 3cm: Dấu vết xây sát da nông nhỏ không để lại sẹo, tỷ lệ % TTCT: 0%.

* Kết quả giám định trong bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 22/KLTTCT-TTPY ngày 23/01/2026: Tỷ lệ % TTCT: 27%.

* Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể sau 02 lần giám định là: 27%

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đinh Văn S tại thời điểm giám định là: 27% (Hai mươi bảy phần trăm).

Cơ chế hình thành thương tích vị trí cách đuôi lông mày trái khoảng 3cm: Do vật có gờ cạnh nhỏ. Chiếc bút bi có ngòi nhọn có thể gây ra được thương tích của Đinh Văn S như mô tả.

Hà Văn N, Hà Văn B và Nguyễn Duy H2 đều đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, tỉnh Thái Nguyên.

Tại Cơ quan điều tra, Hà Văn N, Nguyễn Duy H2, Hà Văn B khai nhận: Các bị cáo cùng quê và quen biết nhau, do biết Hà Văn N có mâu thuẫn với Đinh Văn S trước đó vào ngày 23/12/2025 nên sáng ngày 24/12/2025 khi thấy N sang phòng S thì B, H2 đi theo sau và cùng N gây thương tích cho S.

Lời khai của các bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được.

Quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo Nguyễn Duy H2 đã tích cực tác động gia đình bồi

thường cho bị hại S. Bị hại Đinh Văn S có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Duy H2.

Vật chứng thu giữ: 01 bút bi màu xanh trắng, dài 15cm, có phần ngòi nhọn hiện đang được bảo quản theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận: Mỗi bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 23.300.000đ (Hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng). Nguyễn Duy H2 đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại xong số tiền 23.300.000đ (Hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng). Bị cáo Hà Văn N, Hà Văn B chưa thực hiện việc bồi thường.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKSKV6 ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên truy tố Hà Văn N, Hà Văn B, Nguyễn Duy H2 về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

** Tại phiên tòa:*

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

- Bị hại Đinh Văn S xác nhận đã nhận được số tiền bồi thường của bị cáo Nguyễn Duy H2. Bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho cả ba bị cáo.

- Về phần bồi thường dân sự: Các bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận: Mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 23.300.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Duy H2 đã bồi thường xong cho bị hại. Bị cáo Hà Văn B và Hà Văn N, mỗi bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 23.300.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Hà Thị N1 trình bày: Bà là mẹ của bị cáo Nguyễn Duy H2. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo H2 đã tác động bà đã thay mặt bị cáo bồi thường cho bị hại Đinh Văn S số tiền 23.300.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng), số tiền này là tiền của cá nhân bà. Bà không yêu cầu bị cáo Nguyễn Duy H2 phải trả lại số tiền này cho bà. Ngoài ra, Bà không có ý kiến gì khác trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hà Văn N, Hà Văn B, Nguyễn Duy H2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Về hình phạt:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Văn N từ 36 đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Văn B từ 32 đến 38 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy H2** từ 28 đến 34 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

+ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự, Điều 48 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo và bị hại: Xác nhận bị cáo **Nguyễn Duy H2** đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 23.300.000 đồng. Bị cáo **Hà Văn N** có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 23.300.000 đồng và bị cáo **Hà Văn B** có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 23.300.000 đồng

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với 01 cái bút đã cũ xác định không còn giá trị, giá trị sử dụng (là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội). Do đó đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- *Tại phần tranh luận:*

+ Người bào chữa cho các bị cáo về cơ bản nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo **Hà Văn N** và **Hà Văn B** với mức án thấp nhất theo khung hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị. Riêng với bị cáo **Nguyễn Duy H2**, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **H2** với mức hình phạt từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên quan điểm về mức đề xuất hình phạt áp dụng với bị cáo **Nguyễn Duy H2**: Xác định bị cáo **H2** có nhân thân xấu, có 02 tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự (có tính chất côn đồ, phạm tội trong thời gian đang bị xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc) thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo kém; đồng thời, tỷ lệ tổn thương cơ thể bị cáo gây ra cho bị hại ở mức cao trong khung hình phạt (27%), do đó Đại diện Viện kiểm sát không nhất trí với quan điểm của người bào chữa về việc áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo **H2** dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, không tranh luận.

+ Các bị cáo, bị hại đều không tranh luận.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:* Đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh*: Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó có đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhất trước đó giữa Hà Văn N với Đinh Văn S nên khoảng 05 giờ ngày 24/12/2025, Hà Văn N cùng Hà Văn B, Nguyễn Duy H2 (khi đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc) đã có hành vi cố ý gây thương tích cho Đinh Văn S với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 27%.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe của người khác. Các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Hà Văn N, Hà Văn B, Nguyễn Duy H2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

...

i) Có tính chất côn đồ;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

Từ những căn cứ trên, xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Tội phạm các bị cáo thực hiện là tội phạm nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương, do đó cần xử lý bị cáo theo pháp luật hình sự nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nhưng không có sự câu kết chặt chẽ hay phân công vai trò cụ thể, các bị cáo đều là người thực hành, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo **N** là người khởi xướng.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, đối với bị cáo **H2**: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại số tiền 23.300.000 đ, bị cáo có ông ngoại **Hà Văn H3** được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, có bà ngoại **Ma Thị M** được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Do đó, bị cáo **B** và bị cáo **N** được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo **H2** được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

Trên cơ sở quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Các bị cáo có nhân thân xấu, không có khả năng tự cải tạo, các hình phạt và biện pháp khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa, do đó cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định để đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Đồng thời, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc thêm vai trò của các bị cáo trong vụ án để đưa ra mức hình phạt cụ thể đối với từng bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại đều đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận việc bị cáo **H2** đã bồi thường xong số tiền 23.300.000 đồng cho bị hại, còn bị cáo **B** và bị cáo **N**, mỗi bị cáo còn có nghĩa vụ bồi thường cho bị cáo số tiền 23.300.000 đồng cho bị hại. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 cái bút đã cũ xác định không còn giá trị, giá trị sử dụng (là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội). Do đó, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với hành vi đánh nhau giữa Hà Văn N và Đinh Văn S xảy ra ngày 23/12/2025 không có thương tích. N và S đã tiến hành hòa giải và không có yêu cầu đề nghị gì. Do vậy, Cơ sở cai nghiện ma túy số 02, tỉnh Thái Nguyên đã kiểm điểm, hoà giải đối với N và S là phù hợp.

[9] Về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Xét thấy là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

Về quan điểm bào chữa của người bào chữa, xét thấy: Bị cáo H2 có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém, có 02 tình tiết định khung, tỷ lệ tổn thương cơ thể gây ra cho bị hại ở mức cao của khung hình phạt tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, do đó đề xuất của người bào chữa về việc áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt của bị cáo H2 dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không phù hợp, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo đều là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo B thuộc hộ cận nghèo: Điều thuộc trường hợp được miễn án phí theo khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và có đơn xin miễn án phí, do đó xét thấy cần miễn án phí cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hà Văn N, Hà Văn B, Nguyễn Duy H2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Văn N 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Văn B 34 (Ba mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H2 28 (Hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại của các bị cáo và bị hại:

+ Xác nhận bị cáo **Nguyễn Duy H2** đã bồi thường xong cho bị hại **Đinh Văn S** số tiền 23.300.000 đ (Hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

+ Bị cáo **Hà Văn B** có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại **Đinh Văn S** số tiền 23.300.000 đ (Hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

+ Bị cáo **Hà Văn N** có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại **Đinh Văn S** số tiền 23.300.000 đ (Hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 (một) cái bút bi màu xanh trắng đã cũ.

*(Tình trạng, số lượng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/6/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Thái Nguyên).*

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và Điều 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nguyễn Xuân Đăng

Nguyễn Kiên Cường

Lường Thị Thu Hòa

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Viện Kiểm sát nhân dân KV 6;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cơ sở cai nghiện số 2 Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng Thi hành án dân sự KV 6;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Người bào chữa, người bảo vệ QLIHP;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Thị Thu Hòa

